

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 37

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty"), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 17 vào ngày 17 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDHCM") với mã giao dịch là STG theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010. Vào ngày 25 tháng 3 năm 2026, Công ty đã công bố thông tin bất thường Số: 09/STG/CV-HĐQT về việc Công ty hiện không đáp ứng đủ điều kiện là công ty đại chúng.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Tuấn Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Phó chủ tịch
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên độc lập
Ông Lee Kian Huat	Thành viên độc lập
Bà Seow Hwee	Thành viên
Ông Kelvin Lim Chia Siong	Thành viên

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Lê Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc
Ông Kelvin Lim Chia Siong	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 27 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11598118/69124826

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1073-2026-004-1


Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2815-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		151.409.224.192	128.100.202.018
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	51.177.517.371	32.319.839.415
111	1. Tiền		51.177.517.371	7.319.839.415
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	25.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		31.392.634.593	20.565.928.093
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6	683.872.558	683.872.558
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6	(122.744.815)	(117.944.465)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	30.831.506.850	20.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	57.735.307.750	74.745.293.650
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		52.354.627.370	26.109.013.656
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		14.339.881.374	8.945.227.904
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	50.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		2.644.543.171	90.000.000
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.603.744.165)	(10.398.947.910)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		11.103.764.478	469.140.860
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	670.511.257	128.890.969
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	13	-	340.249.891
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	10.433.253.221	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.795.953.475.434	1.601.199.399.139
220	I. Tài sản cố định		117.079.254.935	132.219.180.227
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	104.026.387.203	118.527.077.319
222	Nguyên giá		280.083.889.833	280.759.070.268
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(176.057.502.630)	(162.231.992.949)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	13.052.867.732	13.692.102.908
228	Nguyên giá		16.373.587.813	16.373.587.813
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.320.720.081)	(2.681.484.905)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	10	1.676.112.098.677	1.463.112.098.677
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.656.255.833.863	1.443.255.833.863
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh		20.000.000.000	20.000.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(143.735.186)	(143.735.186)
260	III. Tài sản dài hạn khác		2.762.121.822	5.868.120.235
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.722.190.635	5.828.189.048
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	39.931.187	39.931.187
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.947.362.699.626	1.729.299.601.157

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		128.491.797.876	125.218.098.321
310	I. Nợ ngắn hạn		101.039.141.941	97.765.442.386
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	723.432.411	739.143.786
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		37.844.310	4.068.210
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	4.358.789.629	3.013.753.109
314	4. Phải trả người lao động		-	1.470.784.709
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.230.032.858	152.399.996
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15.1	88.956.867.732	87.376.822.959
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	4.732.175.001	5.008.469.617
330	II. Nợ dài hạn		27.452.655.935	27.452.655.935
337	1. Phải trả dài hạn khác	15.2	27.253.000.000	27.253.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	17	199.655.935	199.655.935
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.818.870.901.750	1.604.081.502.836
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	1.818.870.901.750	1.604.081.502.836
411	1. Vốn cổ phần		982.533.570.000	982.533.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		982.533.570.000	982.533.570.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		1.019.146.210	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		837.351.220.440	623.580.967.736
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		619.912.041.381	612.616.643.832
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		217.439.179.059	10.964.323.904
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.947.362.699.626	1.729.299.601.157

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Hoàng Thị Anh Thư
Người lập

Nguyễn Mai Khánh Trinh
Kế toán trưởng/
Giám đốc tài chính

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	99.377.469.093	102.280.958.598
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(67.851.140.881)	(67.772.137.999)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.526.328.212	34.508.820.599
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	223.287.163.676	3.425.104.597
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	21	(3.004.800.350) (3.000.000.000)	(3.012.138.033) (3.000.000.000)
25	6. Chi phí bán hàng	22	(19.731.624)	(19.731.624)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(27.935.732.938)	(20.864.485.903)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		223.853.226.976	14.037.569.636
31	9. Thu nhập khác		-	100.578.358
32	10. Chi phí khác		(1.978.852.738)	(3.212.807)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác		(1.978.852.738)	97.365.551
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		221.874.374.238	14.134.935.187
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(4.435.195.179)	(3.170.611.283)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		217.439.179.059	10.964.323.904

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026


Hoàng Thị Anh Thư
Người lập


Nguyễn Mai Khánh Trinh
Kế toán trưởng/
Giám đốc tài chính



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		221.874.374.238	14.134.935.187
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	15.139.925.292	11.656.081.179
03	Dự phòng		1.209.596.605	193.159.497
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(223.287.163.676)	(3.415.104.597)
06	Chi phí lãi vay	21	3.000.000.000	3.000.000.000
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.936.732.459	25.569.071.266
09	Tăng các khoản phải thu		(45.490.574.780)	(2.121.730.949)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		654.776.340	(4.005.371.453)
12	Giảm chi phí trả trước		2.564.378.125	8.590.442.305
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.170.611.283)	(3.206.663.671)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.295.440.826)	(4.410.706.110)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(31.800.739.965)	17.415.041.388
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		-	(42.950.860.805)
23	Tiền chi cho vay		(10.831.506.850)	(81.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		50.000.000.000	11.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(213.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức		224.489.924.771	2.217.075.283
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		50.658.417.921	(110.733.785.522)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		18.857.677.956	(93.318.744.134)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.319.839.415	125.638.583.549
70	Tiền cuối năm	4	51.177.517.371	32.319.839.415

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Hoàng Thị Anh Thư
Người lập

Nguyễn Mai Khánh Trinh
Kế toán trưởng/
Giám đốc tài chính



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty"), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 17 vào ngày 17 tháng 9 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDHCM") theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010. Vào ngày 25 tháng 3 năm 2026, Công ty đã công bố thông tin bất thường Số: 09/STG/CV-HĐQT về việc Công ty hiện không đáp ứng đủ điều kiện là công ty đại chúng.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 34 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 32).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 27 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 37 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.7 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư chứng khoán và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính riêng sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị Công ty.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	51.177.517.371	7.319.839.415
Các khoản tương đương tiền	-	25.000.000.000
TỔNG CỘNG	51.177.517.371	32.319.839.415

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng. Trong đó, có một phần được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của công ty con.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Dự phòng	Số đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý		Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	556.000.000	1.015.238.095	-	556.000.000	1.015.238.095	-
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	4.448.200	(122.304.247)	126.752.447	9.283.200	(117.469.247)
Chứng khoán khác	1.120.111	679.543	(440.568)	1.120.111	644.893	(475.218)
TỔNG CỘNG	683.872.558	1.020.365.838	(122.744.815)	683.872.558	1.025.166.188	(117.944.465)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	52.354.627.370	26.109.013.656
Trong đó:		
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	49.179.359.271	22.724.255.075
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hoàng Nhân	934.684.960	934.684.960
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.240.583.139	2.450.073.621
Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.339.881.374	8.945.227.904
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	8.773.817.614
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tây Hồ	5.282.496.000	-
Các khoản trả trước khác	283.567.760	171.410.290
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	50.000.000.000
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics (Thuyết minh số 25)	-	50.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.644.543.171	90.000.000
Trong đó:		
Lãi tiền gửi	780.158.754	
Ký quỹ	10.000.000	10.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	-	80.000.000
Khác	188.861.480	-
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	1.665.522.937	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(11.603.744.165)	(10.398.947.910)
GIÁ TRỊ THUẦN	57.735.307.750	74.745.293.650

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(10.398.947.910)	(10.217.926.446)
Dự phòng trích lập trong năm	(1.204.796.255)	(181.021.464)
Số cuối năm	<u>(11.603.744.165)</u>	<u>(10.398.947.910)</u>

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	230.458.439.238	5.055.150.382	43.715.384.194	1.530.096.454	280.759.070.268
Thanh lý	-	-	(675.180.435)	-	(675.180.435)
Số cuối năm	230.458.439.238	5.055.150.382	43.040.203.759	1.530.096.454	280.083.889.833
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	28.151.070.897	5.022.432.200	32.275.380.088	1.332.129.004	66.781.012.189
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(111.996.150.783)	(5.038.791.284)	(43.715.384.194)	(1.481.666.688)	(162.231.992.949)
Khấu hao trong năm	(14.464.577.292)	(10.906.056)	-	(25.206.768)	(14.500.690.116)
Thanh lý	-	-	675.180.435	-	675.180.435
Số cuối năm	(126.460.728.075)	(5.049.697.340)	(43.040.203.759)	(1.506.873.456)	(176.057.502.630)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	118.462.288.455	16.359.098	-	48.429.766	118.527.077.319
Số cuối năm	103.997.711.163	5.453.042	-	23.222.998	104.026.387.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	10.827.965.313	5.545.622.500	16.373.587.813
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	1.766.067.500	1.766.067.500
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	-	(2.681.484.905)	(2.681.484.905)
Hao mòn trong năm	-	(639.235.176)	(639.235.176)
Số cuối năm	-	(3.320.720.081)	(3.320.720.081)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.827.965.313	2.864.137.595	13.692.102.908
Số cuối năm	10.827.965.313	2.224.902.419	13.052.867.732

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 10.1)	1.656.255.833.863	-	1.443.255.833.863	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh số 10.2)	20.000.000.000	(143.735.186)	20.000.000.000	(143.735.186)
TỔNG CỘNG	1.676.255.833.863	(143.735.186)	1.463.255.833.863	(143.735.186)

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
		Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)		
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Vận tải	901.000.000.000	-	901.000.000.000	-	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex	Vận tải	319.816.771.989	-	319.816.771.989	-	93,17	93,17
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics (*)	Vận tải	304.337.061.874	-	91.337.061.874	-	100,00	100,00
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (**)	Vận tải	108.162.000.000	-	108.162.000.000	-	8,94	93,34
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Dịch vụ cảng	22.940.000.000	-	22.940.000.000	-	100,00	100,00
TỔNG CỘNG		1.656.255.833.863	-	1.443.255.833.863	-		

(*) Vào ngày 2 tháng 10 năm 2025, Công ty đã góp thêm 213.000.000.000 VND vào Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics theo Nghị quyết số 09/STG/NQHĐQT, tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics là 100%.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam là công ty con gián tiếp của Công ty thông qua việc Công ty sở hữu toàn bộ vốn tại Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans, công ty mẹ của Tổng công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Tổng công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam là 93,34% (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 93,34%).

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh

Tên công ty liên doanh	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số đầu năm và số cuối năm		
			Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (i)	Bất động sản	Trước hoạt động	50	50	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (ii)	Bất động sản	Trước hoạt động	50	50	10.000.000.000
TỔNG CỘNG					20.000.000.000

- (i) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO ("SORECO") là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản.
- (ii) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier ("The Pier") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKDN số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	229.595.940	-
Chi phí phần mềm	185.174.552	89.777.996
Công cụ, dụng cụ	149.237.277	-
Phí bảo hiểm	10.840.368	7.176.304
Khác	95.663.120	31.936.669
TỔNG CỘNG	670.511.257	128.890.969
Dài hạn		
Chi phí cải tạo văn phòng, nhà kho	2.597.068.742	5.507.666.247
Công cụ dụng cụ	70.680.636	117.527.428
Khác	54.441.257	202.995.373
TỔNG CỘNG	2.722.190.635	5.828.189.048

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Công nghệ và Thương mại UFO	310.296.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tây Hồ	-	330.156.000
Phải trả người bán khác	248.236.595	129.790.702
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)	164.899.816	279.197.084
TỔNG CỘNG	723.432.411	739.143.786

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm/ Cấn trừ	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.433.129.343	4.435.195.179	(3.170.611.283)	3.697.713.239
Thuế giá trị gia tăng	-	11.485.260.680	(11.197.326.572)	287.934.108
Thuế thu nhập cá nhân	580.623.766	1.668.090.988	(1.875.572.472)	373.142.282
TỔNG CỘNG	3.013.753.109	17.588.546.847	(16.243.510.327)	4.358.789.629
Phải thu				
Thuế đất	-	57.472.173.957	(47.038.920.736)	10.433.253.221
Thuế giá trị gia tăng	340.249.891	-	(340.249.891)	-
Thuế khác	-	17.839.924	(17.839.924)	-
TỔNG CỘNG	340.249.891	57.490.013.881	(47.397.010.551)	10.433.253.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương, thưởng	1.913.918.912	-
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	180.000.000	152.399.996
Khác	136.113.946	-
TỔNG CỘNG	2.230.032.858	152.399.996

15. PHẢI TRẢ KHÁC

15.1 Phải trả ngắn hạn khác

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	39.940.000.000
Chi phí lãi	3.000.000.000	3.000.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	511.239.435	90.800.000
Nhận ký quỹ	229.578.230	226.225.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.276.050.067	4.119.797.859
TỔNG CỘNG	88.956.867.732	87.376.822.959

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	40.000.000.000	40.000.000.000
Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C	39.940.000.000	39.940.000.000
Phải trả các bên khác	9.016.867.732	7.436.822.959

(i) Đây là khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Đây là khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier mà Công ty đang nắm giữ.

15.2 Phải trả dài hạn khác

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận đặt cọc từ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("GEX")	20.000.000.000	20.000.000.000
Nhận ký quỹ từ bên liên quan (Thuyết minh số 25)	7.253.000.000	7.253.000.000
TỔNG CỘNG	27.253.000.000	27.253.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

15.2 Phải trả dài hạn khác (tiếp theo)

Nhận đặt cọc từ GEX theo Hợp đồng đặt cọc ngày 10 tháng 9 năm 2020 để cùng phối hợp triển khai mọi công việc, thủ tục có liên quan cũng như duy trì quyền và lợi ích đối với Quyền Tài sản tại số 1B Hoàng Diệu, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, số 117A Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh và Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

16. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.008.469.617	9.358.594.139
Trích lập quỹ	1.019.146.210	60.581.588
Sử dụng quỹ	<u>(1.295.440.826)</u>	<u>(4.410.706.110)</u>
Số cuối năm	<u>4.732.175.001</u>	<u>5.008.469.617</u>

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước của khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	982.533.570.000	-	(2.033.034.900)	612.677.225.420	1.593.177.760.520
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	10.964.323.904	10.964.323.904
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(60.581.588)	(60.581.588)
Số cuối năm	982.533.570.000	-	(2.033.034.900)	623.580.967.736	1.604.081.502.836
Năm nay					
Số đầu năm	982.533.570.000	-	(2.033.034.900)	623.580.967.736	1.604.081.502.836
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	217.439.179.059	217.439.179.059
Trích lập quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	1.019.146.210	-	(1.019.146.210)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	-	-	(1.019.146.210)	(1.019.146.210)
Lương thưởng cho Ban Giám Đốc (*)	-	-	-	(1.630.633.935)	(1.630.633.935)
Số cuối năm	982.533.570.000	1.019.146.210	(2.033.034.900)	837.351.220.440	1.818.870.901.750

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/STG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	98.253.357	98.253.357
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	98.253.357	98.253.357

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành là cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	99.377.469.093	102.280.958.598
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên liên quan	98.652.239.468	101.540.828.762
Doanh thu đối với khách hàng khác	725.229.625	740.129.836

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	218.835.995.700	84.006.000
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	4.451.167.976	3.331.098.597
Khác	-	10.000.000
TỔNG CỘNG	223.287.163.676	3.425.104.597

20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	67.851.140.881	67.772.137.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng các khoản đầu tư	4.800.350	12.138.033
TỔNG CỘNG	3.004.800.350	3.012.138.033

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	19.731.624	19.731.624
Khấu hao tài sản cố định	19.731.624	19.731.624
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.935.732.938	20.864.485.903
Chi phí nhân viên	18.261.961.631	16.573.858.798
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.298.171.832	2.042.839.817
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.204.796.255	181.021.464
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	673.878.456	677.320.675
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.496.924.764	1.389.445.149
TỔNG CỘNG	27.955.464.562	20.884.217.527

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.702.997.501	58.855.948.936
Chi phí nhân viên	18.261.961.631	16.573.858.798
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8 và 9)	15.139.925.292	11.656.081.179
Chi phí khác	2.701.721.019	1.570.466.613
TỔNG CỘNG	95.806.605.443	88.656.355.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.875.301.675	3.170.611.283
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	2.559.893.504	-
TỔNG CỘNG	4.435.195.179	3.170.611.283

Dưới đây là đối chiếu giữa tổng lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập tính thuế:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	221.874.374.238	14.134.935.187
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	44.374.874.848	2.826.987.037
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Cổ tức nhận được	(43.767.199.140)	(12.000.000)
Chi phí không được trừ	1.267.625.967	355.624.246
Chi phí thuế TNDN	1.875.301.675	3.170.611.283
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	2.559.893.504	-
Chi phí thuế TNDN	4.435.195.179	3.170.611.283

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

VND

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	39.931.187	39.931.187	-	-

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Tập đoàn ITL	Công ty mẹ
PSA Cargo Solutions Vietnam Investments Pte Ltd	Cổ đông
Công ty TNHH MTV ITL Logistics Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Bất động sản Soreco	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Liên danh BNX - Vietranstimex	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam	Công ty con

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con	Cổ tức đã nhận	197.700.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ cho thuê kho	61.885.410.276	64.692.838.464
		Cổ tức đã nhận	21.000.000.000	-
		Chi hộ	3.021.281.269	74.948.195
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Thu tiền cho vay	50.000.000.000	11.000.000.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.813.751.736	28.786.156.501
		Lãi cho vay	2.447.123.289	1.202.761.095
		Chi hộ	1.245.867.866	65.708.006
		Cho vay	-	61.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	11.377.262.702	6.537.456.985
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	433.054.342	1.176.414.504
		Chi hộ	55.166.325	3.336.734
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	142.760.412	347.962.308
		Chi hộ	328.128.937	333.062.481
		Mua dịch vụ	286.767.076	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn ITL	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	183.777.965	117.743.891
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ	-	42.760.403.505
PSA Cargo Solutions Vietnam Investments Pte Ltd	Cổ đồng	Mua dịch vụ	-	323.938.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.952.768.868	6.602.611.440
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.631.449.122	11.860.353.718
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	9.305.013.084	1.502.894.996
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.502.837.548	2.026.477.767
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	787.290.649	731.917.154
			49.179.359.271	22.724.255.075
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Lãi cho vay	1.245.867.866	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Lãi cho vay	359.442.531	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Lãi cho vay	60.212.540	-
			1.665.522.937	-
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Cho vay	-	50.000.000.000
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Tập đoàn ITL	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	132.488.549	116.218.154
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Mua dịch vụ	22.246.142	22.978.930
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Mua dịch vụ	10.165.125	-
PSA Cargo Solutions Vietnam Investments Pte Ltd	Cổ đồng	Mua dịch vụ	-	140.000.000
			164.899.816	279.197.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước cho người bán				
Công ty Cổ phần Xây lắp Công Trình	Công ty con	Mua dịch vụ	104.338.368	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
Phải trả dài hạn khác				
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Đặt cọc	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Đặt cọc	253.000.000	253.000.000
			7.253.000.000	7.253.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy Ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc như sau:

VND		
	Năm nay	Năm trước
Ông Đặng Vũ Thành	2.412.154.763	2.157.306.667
Ông Kelvin Lim Chia Siong	2.293.361.013	746.313.333
Ông Đỗ Lê Hùng	717.154.763	504.000.000
Ông Trần Tuấn Anh	446.443.453	180.000.000
Ông Lee Kian Huat	333.154.763	120.000.000
Ông Nguyễn Quốc Thúc	359.799.108	120.000.000
Bà Seow Hwee	-	120.000.000
Ông Phay Wenfu, Daniel	-	870.800.000
TỔNG CỘNG	6.562.067.863	4.818.420.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	64.766.913.828	32.567.433.925
Từ 1 đến 5 năm	8.928.703.659	16.744.306.360
Trên 5 năm	6.875.000.000	41.671.557.270
TỔNG CỘNG	80.570.617.487	90.983.297.555

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê kho, đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động, với các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	32.567.433.925	80.910.756.399
Từ 1 đến 5 năm	16.744.306.360	13.367.164.093
Trên 5 năm	38.422.743.270	7.215.909.091
TỔNG CỘNG	87.734.483.555	101.493.829.583

Các cam kết khác

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản bảo lãnh cho các khoản vay và thuê tài chính cho bên liên quan với hạn mức bảo lãnh như sau:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Vay	72.000.000.000	37.000.000.000

Kiến tụng

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận 4 đang thụ lý vụ kiện trong đó một công ty bảo hiểm đã khởi kiện Công ty về việc hoàn trả tiền bảo hiểm mà công ty bảo hiểm này đã đền bù cho một khách hàng liên quan đến vụ cháy tại Kho Quận 4 của Công ty vào ngày 25 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 11.781.673.242 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đang trong quá trình chuẩn bị các hồ sơ liên quan cho việc tranh tụng và kết quả vụ kiện chưa thể xác định được một cách đáng tin cậy vì vậy Công ty chưa trích lập bất kỳ khoản dự phòng nào liên quan đến vụ kiện này trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, mà trình bày là khoản nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Hoàng Thị Anh Thư
Người lập



Nguyễn Mai Khánh Trình
Kế toán trưởng/
Giám đốc tài chính



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

